

Số: /BC-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi (kèm theo Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 08/10/2025 của UBND tỉnh), Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. Sự cần thiết ban hành nghị quyết

Căn cứ quy định về thẩm quyền tại khoản 3⁽¹⁾ Điều 14 và các mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh Kon Tum đã ban hành các Nghị quyết Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh⁽²⁾ đảm bảo đúng quy định.

Ngày 19/3/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 12/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (có hiệu lực thi hành từ ngày 04/5/2025); theo đó, sửa đổi một số mức chi và bổ sung thêm quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước (chưa được quy định tại các Nghị quyết đã ban hành của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và HĐND tỉnh Kon Tum). Vì vậy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết, đảm bảo quy định của pháp luật⁽³⁾ và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

(1) “Điều 14. Quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp.”

(2) - HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ): Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi;

- HĐND tỉnh Kon Tum: (1) Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017; (3) Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 Sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017.

(3) Điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15) quy định: “1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

II. Sự phù hợp của dự thảo Nghị quyết với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là cần thiết, đúng quy định pháp luật.

III. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn.

IV. Ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách

Trên cơ sở các quy định của pháp luật có liên quan và Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 08/10/2025 của UBND tỉnh. Để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, quyết định, Ban đề nghị làm rõ thêm một số nội dung như sau:

1. Về thời gian trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết:

Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 04/5/2025, tuy nhiên đến nay UBND tỉnh mới trình HĐND tỉnh ban hành dự thảo nghị quyết⁽⁴⁾. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nguyên nhân chậm tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết.

2. Về nội dung dự thảo nghị quyết

2.1. Tại khoản 2 Điều 3 về chế độ công tác phí

- Dự thảo Nghị quyết quy định chung phụ cấp lưu trú khi đi công tác, không phân biệt đi và về trong ngày và đi từ 02 ngày trở lên như vậy có phù hợp với Thông tư số 12/2025/TT-BTC, điều kiện thực tế của địa phương và các Nghị quyết đã ban hành trước đây không. Đề nghị báo cáo giải trình làm rõ.

- Dự thảo đề xuất mức phụ cấp lưu trú đi công tác trong tỉnh phân chia theo khoảng cách từ nơi cơ quan, đơn vị đến nơi công tác, cụ thể: (1) từ 15km đến dưới 50km, (2) từ 50km đến dưới 100km, (3) từ 100km trở lên (*Qua tham khảo một số tỉnh, mỗi tỉnh có quy định khác nhau: Nghệ An, Sơn La quy định chung 01 mức phụ cấp lưu trú (không phân biệt trong và ngoài tỉnh); Phú Thọ phân chia theo địa bàn và khoảng cách (10km trở lên tại các xã đặc biệt khó khăn, 15km trở lên tại các xã còn lại); Gia Lai quy định tương tự dự thảo của Quảng Ngãi (nhưng chỉ có 02 mức: (1) từ 15km đến dưới 50km, (2) từ 50km trở lên)*). Đề nghị làm rõ thêm cơ sở đề xuất; đồng thời, để thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết, đề nghị nghiên cứu phân chia lại khoảng cách và mức phụ cấp lưu trú

⁽⁴⁾ Qua rà soát một số tỉnh đã ban hành nghị quyết từ rất sớm: Tỉnh Gia Lai (NQ 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025), tỉnh Vĩnh Long (NQ 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025), tỉnh Nghệ An (NQ 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025), tỉnh Sơn La (NQ 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025); tỉnh Phú Thọ (NQ 18/2025/NQ-HĐND ngày 17/2025/NQ-HĐND ngày 17/9/2025)...

phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2.2. Tại điểm b khoản 1 Điều 4 thanh toán tiền thuê phòng nghỉ: Đề nghị làm rõ cơ sở bổ sung cụm từ “**công chức, viên chức**” tại nội dung “**Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20...**”. Vì theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC) không quy định đối tượng trên, cụ thể: “**b) Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20...**”.

2.3. Tại Điều 6 chế độ chi hội nghị: Dự thảo chỉ mới quy định mức chi giải khát, chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu; **chưa quy định một số mức chi** tại Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi tại Thông tư 12/2025/TT-BTC), cụ thể: **(1) Chi thù lao giảng viên theo quy định tại khoản 1⁽⁵⁾; (2) Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6⁽⁶⁾; (3) Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7⁽⁷⁾.** Đồng thời, qua tham khảo một số tỉnh như Phú Thọ, Gia Lai, Sơn La đều quy định các nội dung này. Đề nghị báo cáo giải trình làm rõ.

2.4. Dự thảo Nghị quyết chưa quy định nội dung thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác theo quy định tại khoản 2⁽⁸⁾ Điều 5 Thông tư 40/2017/TT-BTC (được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC). Đồng thời, qua tham khảo nghị quyết của tỉnh Nghệ An và tỉnh Phú Thọ đều quy định nội dung này. Đề nghị giải trình làm rõ.

3. Về nguồn lực thực hiện

Dự thảo Nghị quyết áp dụng mức chi tối đa tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC và Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính nên mức chi dự kiến tăng so với các Nghị quyết của 02 tỉnh cũ, đồng thời qua tham khảo, một

⁽⁵⁾ “1. Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên; chi cho người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính”.

⁽⁶⁾ “6. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế theo mức chi quy định tại Điều 7 Thông tư này”.

⁽⁷⁾ “7. Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này”.

⁽⁸⁾ “2. Thanh toán khoán kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác: a) Đối với các đối tượng được sử dụng xe ô tô để đi công tác: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô. b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn lại không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bảo đảm không vượt chế độ đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị”.

số mức chi dự kiến cao hơn một số tỉnh đã ban hành. Do đó, đề nghị làm rõ khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

4. Dự thảo Nghị quyết chưa quy định đối với các khoản chi thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị phát sinh trước ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được thanh toán, thì áp dụng theo quy định các nghị quyết của HĐND 2 tỉnh trước sắp xếp hay thực hiện theo quy định tại nghị quyết này. Đề nghị làm rõ thêm.

5. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản

5.1. Về căn cứ ban hành nghị quyết:

Dự thảo nghị quyết căn cứ “Luật Ngân sách nhà nước số 83/2025/QH13” (Tại khoản 1 Điều 77 Luật NSNN năm 2025 quy định hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2026); tuy nhiên, theo quy định tại Điều 62 Nghị định 78/2025/NĐ-CP, căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực **nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành**. Do đó, đề nghị giải trình làm rõ thời điểm áp dụng nghị quyết này từ năm ngân sách 2026 hay tính từ thời điểm HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp chuyên đề lần này; trường hợp xác định thời điểm áp dụng Nghị quyết tính từ thời điểm HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp chuyên đề lần này, đề nghị rà soát lại căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 cho phù hợp.

5.2. Đề nghị rà soát, biên tập lại Điều 2 dự thảo nghị quyết như sau:

“**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết”.

5.3. Rà soát ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo nghị quyết đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Trong đó, biên tập lại các phần của Quy định theo Mẫu số 18 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP đảm bảo đồng bộ, rõ ràng.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐ(nhpt).

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Kiên

